

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2014/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 22 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số

24/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 163/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế và xếp phụ cấp trách nhiệm công việc kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 344/TTr-SNV ngày 30/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy định về quản lý cán bộ, công chức, tiền lương khu vực hành chính sự nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp Nhà nước quy định tại Quyết định số 689/2001/QĐ-UB ngày 16/10/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, tiền lương khu vực hành chính sự nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Sinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính
ở cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội nghề
nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 22/7/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Cán bộ, công chức được quy định tại Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

- Cán bộ, công chức thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Người đứng đầu là công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

- Công chức được luân chuyển giữ các chức vụ chủ chốt tại các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức.

b) Lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực

hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là lao động hợp đồng 68).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức và phân cấp trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cán bộ, công chức hành chính trong phạm vi toàn tỉnh, có sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn cho Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; đồng thời khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quyết định việc điều động, bổ nhiệm công chức giữa các cơ quan hành chính các cấp đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, sử dụng đội ngũ công chức.

3. Kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.

4. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng.

5. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

6. Việc sử dụng, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức và hiệu quả thực thi công vụ.

7. Cán bộ, công chức phải chấp hành quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các quyết định của cấp trên về công tác quản lý cán bộ, công chức.

Điều 3. Nội dung quản lý cán bộ, công chức

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch cán bộ, công chức.

3. Tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức.

4. Tổ chức tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, công chức.

5. Tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá đối với cán bộ, công chức.

6. Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức.

7. Tổ chức thực hiện việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

8. Thực hiện chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức.

9. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

10. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

11. Chỉ đạo, tổ chức giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức.

Chương II

QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 4. Tuyển dụng công chức; lao động hợp đồng 68

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức; quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức;

b) Cho ý kiến về chủ trương đề Sở Nội vụ: Tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức; xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thuộc quyền quản lý;

c) Phê duyệt danh sách những trường hợp người tập sự bị huỷ bỏ quyết định tuyển dụng do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Xây dựng kế hoạch thi tuyển công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thi tuyển công chức; quyết định tuyển dụng công chức sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng tiêu chuẩn xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã và công chức ở đơn vị sự nghiệp công lập thành công chức hành chính từ cấp huyện trở lên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Tổ chức thực hiện quy trình tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức, xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên, quyết định tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức, xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thuộc quyền quản lý sau khi có ý kiến đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các trường hợp lao động hợp đồng 68 và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc ký hợp đồng này;

đ) Quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với những trường hợp người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của cơ quan, đơn vị để đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức;

b) Quyết định bố trí, phân công nhiệm vụ cho công chức phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng; quyết định cử công chức hướng dẫn người tập sự;

c) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với những trường hợp người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự;

d) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức, xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thuộc quyền quản lý;

đ) Thực hiện việc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với lao động hợp đồng 68.

Điều 5. Tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định điều động công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên đi ra tỉnh ngoài, giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan, đơn vị khác không thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ cơ quan hành chính về công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc từ đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh về cơ quan hành chính;

c) Quyết định tiếp nhận công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên ở các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, công chức ở tỉnh ngoài, công chức ở ngoài cơ quan hành chính trong tỉnh về công tác tại cơ quan hành chính trong tỉnh;

d) Cho ý kiến để Sở Nội vụ tiếp nhận công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống ở các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, công chức ở tỉnh ngoài, công chức ở ngoài cơ quan hành chính trong tỉnh về công tác tại cơ quan hành chính trong tỉnh.

đ) Quyết định điều động, luân chuyển, bổ nhiệm công chức giữa các cơ quan hành chính các cấp.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định điều động công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống đi ra tỉnh ngoài, giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan, đơn vị khác không thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ cơ quan hành chính về công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Quyết định điều động công chức từ đơn vị sự nghiệp công lập (người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập) đến cơ quan hành chính nhà nước sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Quyết định tiếp nhận công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống ở các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, công chức ở tỉnh ngoài, công chức ở ngoài cơ quan hành chính trong tỉnh về công tác tại cơ quan hành chính trong tỉnh sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Lập danh sách điều động, bổ nhiệm công chức giữa các cơ quan hành chính các cấp theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng đội ngũ công chức.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (riêng đối với chức danh kế toán trưởng, phụ trách kế toán thuộc đơn vị kế toán cấp I, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định);

b) Luân chuyển, biệt phái và bố trí, phân công công chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều động công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống đi ra tỉnh ngoài, giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan của Đảng, đoàn thể trong tỉnh, từ cơ quan hành chính sang các cơ quan, đơn vị khác không thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ cơ quan hành chính về công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc từ đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh về cơ quan hành chính.

Điều 6. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trung ương chiêu sinh;

c) Quyết định cử cán bộ, công chức đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong diện quy hoạch; cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng và học tập ở nước ngoài.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức;

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập quy hoạch, kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng;

c) Thẩm định hồ sơ theo đề nghị của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh cử cán bộ, công chức đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong diện quy hoạch; cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng và học tập ở nước ngoài.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc cơ quan, đơn vị quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tạo điều kiện để công chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Điều 7. Đánh giá công chức

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đánh giá, xếp loại công chức đối với Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại công chức đối với Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện việc đánh giá, xếp loại công chức trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Đánh giá, xếp loại công chức thuộc quyền quản lý;

b) Thông báo kết quả đánh giá, phân loại đánh giá cho công chức được đánh giá biết;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại công chức về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

Điều 8. Nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng lương

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Quyết định cử cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên và tương đương lên ngạch chuyên viên chính và tương đương, từ ngạch chuyên viên chính và tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

b) Trình Bộ Nội vụ phê duyệt kế hoạch thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương, từ ngạch nhân viên, cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương; quyết định danh sách công chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch; thành lập Hội đồng thi nâng ngạch; công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch;

c) Quyết định thành lập Hội đồng xét chuyển ngạch vào các ngạch thanh tra đối với công chức; quyết định bổ nhiệm ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính;

d) Quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch và xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương; đề nghị Bộ Nội vụ chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

e) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương; nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; đề nghị Bộ Nội vụ nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chế độ tiền lương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổng hợp nhu cầu thi nâng ngạch, thẩm định hồ sơ thi nâng ngạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng kế hoạch thi nâng ngạch; tổ chức thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương, từ ngạch nhân viên, cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương;

c) Quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống; tổng hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển ngạch, bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính và tương đương; tham mưu việc trình Bộ Nội vụ về chế độ lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương;

d) Quyết định bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức và xếp lương đối với người tập sự hết thời gian tập sự đạt yêu cầu của người tập sự;

đ) Thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống;

e) Thẩm định danh sách quỹ tiền lương hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Đăng ký danh sách biên chế và quỹ tiền lương gửi Sở Nội vụ thẩm định để Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước thực hiện chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành;

b) Đăng ký nhu cầu thi nâng ngạch; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho cán bộ, công chức;

c) Tổng hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển ngạch công chức;

d) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống;

đ) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ.

Điều 9. Khen thưởng

Cán bộ, công chức có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ, thi hành công vụ thì được xét khen thưởng theo Luật Thi đua, Khen thưởng và quyết định của tỉnh.

Điều 10. Kỷ luật

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Quyết định xử lý kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã chuyển công tác nhưng sau đó mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã chuyển công tác nhưng sau đó mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc xử lý kỷ luật.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Quyết định kỷ luật công chức thuộc phạm vi quản lý (trừ những đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

b) Quyết định kỷ luật đối với công chức được biệt phái đến và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan quản lý công chức biệt phái;

c) Quyết định kỷ luật đối với công chức đã chuyển công tác nhưng sau đó mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan đang quản lý công chức.

Điều 11. Nghỉ hưu, thôi việc

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Quyết định cho thôi việc đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định cho thôi việc đối với công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên;

c) Quyết định nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Phê duyệt danh sách cán bộ, công chức nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho thôi việc đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên. Quyết định cho thôi việc đối với công chức (trừ những đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Quyết định cho cán bộ, công chức nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế theo danh sách phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

a) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho thôi việc đối với công chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Thông báo, quyết định nghỉ hưu đối với công chức thuộc phạm vi quản lý (trừ những đối tượng thuộc diện Tinh giản biên chế);

c) Lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định cho cán bộ, công chức nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế.

Điều 12. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

- a) Tổng hợp, báo cáo, thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;
- b) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức;
- c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- a) Lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý;
- b) Thống kê và báo cáo về tình hình đội ngũ cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý;
- c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai và hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 14. Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý cán bộ, công chức theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 15. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Nội vụ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh